

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/BB-UBND

Tân Bình, ngày 09 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự
toán ngân sách xã Tân Bình, quý 1 năm 2025**

Hôm nay vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 9 tháng 4 năm 2025.

Tại trụ sở UBND xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh;

Thành phần tham dự:

- | | |
|--------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Huỳnh Thế Tài | - Chủ tịch UBND - Chủ trì |
| - Ông Châu Trần Văn Nhựt | - Chủ tịch Công đoàn cơ sở |
| - Bà Lê Thị Bé Năm | - CC. Văn phòng - Thống kê - Thư ký |

Nội dung: Niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Tân Bình, quý 1 năm 2025, kèm theo biểu 113, 114, 115, 120

Thời gian:

Từ ngày 09/4/2025 đến ngày 09/5/2025

Địa điểm:

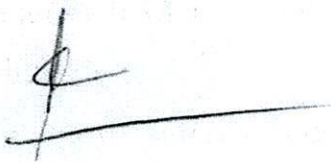
Trụ sở UBND xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh

Biên bản niêm yết kết thúc vào lúc 10 giờ 45 phút cùng ngày./.

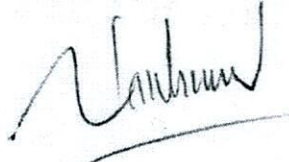
Thư ký

Đại diện Công đoàn cơ sở

Chủ trì



Lê Thị Bé Năm



Châu Trần Văn Nhựt



Huỳnh Thế Tài

**THUYẾT MINH
THỰC HIỆN THU – CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2025**

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024, của Ủy ban nhân dân Thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2025.

Ủy ban Nhân Dân xã Tân Bình thuyết minh thực hiện dự toán thu – chi ngân sách xã quý 1 năm 2025 như sau:

1. Thu ngân sách Nhà nước

- Thu ngân sách nhà nước quý 1/2025: 126.453.811 đồng/958.000.000 đồng đạt 13,12 % cụ thể từng loại thuế:

- + Thu phí, thu khác 21.613.026 đồng/ 36.000.000đ, đạt 60,4%
- + Lệ phí môn bài: 10.100.000 đồng/ 31.000.000đ, đạt 32,58%
- + Thuế thu VAT: 41.013.761 đồng/187.000.000đ, đạt 21,93%,
- + Thuế thu nhập cá nhân: 36.884.476 đồng/182.000.000đ, đạt 20,27%,
- + Thuế PNN: 16.842.548 đồng/522.000.000đ, đạt 3,23%

2. Thu ngân sách xã

Thu ngân sách xã quý 1/2025: 5.562.658.499 đồng/ 9.918.950.000 đồng, đạt 56,08% . Trong đó:

- Các khoản thu hưởng 100%: 26.789.037 đồng/ 36.000.000 đồng đạt 74,41 %
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 617.200.041 đồng/ 922.000.000đ đạt 11,13%
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên (BSCMT): 630.937.000 đồng
- Thu chuyển nguồn: 4.287.732.421 đồng

II. Phân chi

1. Chi ngân sách xã

- Chi ngân sách xã quý 1/2025: 1.822.853.074 đồng/ 9.918.950.000 đồng, đạt 18,4% so dự toán đầu năm, trong đó gồm các khoản chi (đính kèm biểu):

Trên đây là báo cáo thuyết minh thực hiện dự toán thu – chi ngân sách xã quý 1 năm 2025 của UBND xã Tân Bình.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH TP
- Đảng ủy; TTHĐND
- Truyền thanh xã;
- 04 ấp;
- Lưu VP.



Huỳnh Thế Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN BÌNH**

Số: 89/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tân Bình, ngày 9 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Công bố Công khai thực hiện dự toán thu- chi
ngân sách Nhà nước quý 1 năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024, của Ủy ban nhân dân Thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2025.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – kế toán xã Tân Bình;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước quý 1 năm 2025, trên địa bàn xã Tân Bình (có mẫu kèm theo).

Điều 2: Quyết định này hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Thống kê, công chức Tài chính kế toán xã, căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- KBNN (biết);
- Đảng ủy (b/c)
- HĐND;
- Lưu vp

CHỦ TỊCH



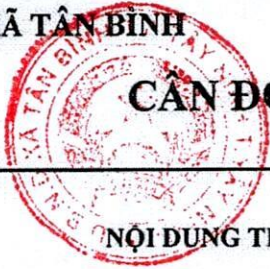
Huỳnh Thế Tài



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC QUÝ 1 NĂM 2025

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	TÒN	THU	CHI	TÒN
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
- Tiền gửi (ngoài ngân sách 3723.0.9089496)						
Số đầu kỳ trước chuyển sang						292.927.582
Thu trong kỳ				31.004.211		
Chi trong kỳ					90.474.592	
Số cuối kỳ						233.457.201
- Quỹ người nghèo						
Số đầu kỳ trước chuyển sang						42.699.083
Thu trong kỳ				200.488.810		
Chi trong kỳ					170.000.000	
Số cuối kỳ						73.187.893
- Tiền gửi 3723.1030866(ngân sách)						
Số đầu kỳ trước chuyển sang						0
Thu trong kỳ				894.416.000		
Chi trong kỳ					894.416.000	
Số cuối kỳ						0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
- Chợ						
- Bến bãi						



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.918.950.000	5.562.658.499	56,08
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	36.000.000	26.789.037	74,41
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7.185.529.000	617.200.041	8,59
3	Thu bổ sung	746.937.000	630.937.000	84,47
	- Bổ sung cân đối ngân sách			
	- Bổ sung có mục tiêu	746.937.000	630.937.000	84,47
4	Thu chuyển nguồn	1.950.484.000	4.287.732.421	219,83
II	TỔNG SỐ CHI		1.822.853.074	
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên		1.822.853.074	
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

Đơn vị: đồng

[illegible]

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: đồng

ST T		DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	958.000.000	9.918.950.000	126.453.811	5.562.658.499	13,20	56,08
I	Các khoản thu 100%	36.000.000	36.000.000	21.613.026	26.789.037	60,04	74,41
1	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	5.876.000	5.876.000	19,59	19,59
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			1.511.000	1.511.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	6.000.000	6.000.000	14.226.026	19.402.037	237,10	323,37
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	922.000.000	7.185.529.000	104.840.785	617.200.041	11,37	11,13
1	Các khoản thu phân chia	553.000.000	5.176.247.000	26.942.548	159.727.267	4,87	3,09
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	522.000.000	522.000.000	16.842.548	16.842.548	3,23	3,23
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	31.000.000	31.000.000	10.100.000	17.350.000	32,58	55,97
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		4.623.247.000		125.534.719		2,72
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	369.000.000	2.009.282.000	77.898.237	457.472.774	21,11	123,88
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	187.000.000	1.827.000.000	41.013.761	355.836.763	21,93	19,48
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		153.120.000		52.910.141		34,55
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	182.000.000	29.162.000	36.884.476	48.725.870	20,27	167,09
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		1.950.484.000		4.287.732.421		219,83
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		746.937.000		630.937.000		84,47
1	Thu bổ sung cân đối						
2	Thu bổ sung có mục tiêu		746.937.000		630.937.000		84,47